



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thông tin về Tập đoàn**

**Giấy chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100100008

Ngày 11 tháng 12 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 11 tháng 12 năm 2017. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên

**Cơ quan Tổng Giám đốc**

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc ( <i>đến ngày 1/3/2018</i> )
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc ( <i>đến ngày 1/3/2018</i> )
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Mạc Thuán	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành
Ông Cao Hữu Hiếu	Giám đốc Điều hành ( <i>từ ngày 1/2/2018</i> )

**Trụ sở đăng ký**

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam** **Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 7 đến trang 79 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 7 đến trang 79.

### **Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Ngoại trừ giới hạn phạm vi soát xét được đề cập trong phần Cơ sở của kết luận ngoại trừ, chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## **Cơ sở của kết luận ngoại trừ**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 436.845 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 353.406 triệu VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty TNHH Coats Phong Phú là 83.438 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 100.455 triệu VND), đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này nên không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng như phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Coats Phong Phú và các thông tin so sánh có liên quan. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các số liệu này hay không nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết. Báo cáo soát xét và báo cáo kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng đưa ra kết luận và ý kiến ngoại trừ liên quan đến vấn đề này.

## **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- thuyết minh 2(a) và 3(b) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong việc lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài chính tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017. Chính sách kế toán này vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ như được nêu cụ thể tại Thuyết minh 2(a) và 3(b).
- thuyết minh 28(a) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và ghi nhận khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, giá trị sổ sách của khoản phải nộp là 360.510 triệu VND (1/1/2018: 363.057 triệu VND). Cũng theo Công văn số 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.



Kết luận ngoại trừ của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-02-203-HN



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0339-2018-007-1

*Phó Tổng Giám đốc*

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2018

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2018-007-1

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>10.528.486.204.970</b>	<b>9.474.983.419.484</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>10</b>	<b>1.742.140.260.492</b>	<b>1.496.319.038.319</b>
Tiền	111		354.923.842.395	314.803.881.248
Các khoản tương đương tiền	112		1.387.216.418.097	1.181.515.157.071
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>719.707.663.185</b>	<b>720.376.522.818</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	11(a)	1.167.720.000	47.062.178.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11(b)	718.539.943.185	673.314.344.818
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.510.566.175.210</b>	<b>3.220.244.858.253</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12	2.442.618.537.030	2.054.321.190.242
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		510.604.823.053	452.436.893.222
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	13	167.531.442.156	162.127.442.156
Phải thu ngắn hạn khác	136	14(a)	687.229.123.162	846.040.724.198
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	15	(298.947.865.694)	(296.217.456.995)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.530.115.503	1.536.065.430
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>16</b>	<b>4.217.483.941.707</b>	<b>3.637.394.757.076</b>
Hàng tồn kho	141		4.311.870.673.350	3.729.895.641.565
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(94.386.731.643)	(92.500.884.489)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>338.588.164.376</b>	<b>400.648.243.018</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	22(a)	44.439.411.551	33.896.041.635
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		286.012.293.244	336.698.263.287
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	26(a)	8.051.141.294	30.053.938.096
Tài sản ngắn hạn khác	155		85.318.287	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>11.436.975.287.315</b>	<b>11.431.176.976.389</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>607.086.829.098</b>	<b>825.796.101.240</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		7.048.500.000	7.622.700.000
Phải thu dài hạn khác	216	14(b)	719.360.923.894	937.495.996.036
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	15	(119.322.594.796)	(119.322.594.796)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.086.026.382.186</b>	<b>6.570.669.864.509</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	17	6.912.243.214.176	6.393.049.968.080
Nguyên giá	222		13.066.664.756.414	12.236.634.594.087
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.154.421.542.238)	(5.843.584.626.007)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	18	43.181.447.914	44.906.094.256
Nguyên giá	225		52.829.933.845	55.877.351.986
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.648.485.931)	(10.971.257.730)
Tài sản cố định vô hình	227	19	130.601.720.096	132.713.802.173
Nguyên giá	228		165.615.111.337	165.599.933.067
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.013.391.241)	(32.886.130.894)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>20</b>	<b>168.191.426.800</b>	<b>166.252.445.854</b>
Nguyên giá	231		198.528.183.482	194.203.816.464
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(30.336.756.682)	(27.951.370.610)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>861.709.865.638</b>	<b>1.292.091.470.162</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	21	861.709.865.638	1.292.091.470.162
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.265.662.373.045</b>	<b>2.124.528.222.477</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	11(c)	2.071.113.474.799	1.888.606.874.259
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11(c)	220.544.923.352	251.716.814.537
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	11(c)	(28.101.025.106)	(21.700.466.319)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	11(b)	2.105.000.000	5.905.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>448.298.410.548</b>	<b>451.838.872.147</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	22(b)	437.139.977.645	430.050.234.807
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	23	6.192.473.427	5.715.060.012
Tài sản dài hạn khác	268		607.358.933	607.358.933
Lợi thế thương mại	269	24	4.358.600.543	15.466.218.395
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>21.965.461.492.285</b>	<b>20.906.160.395.873</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>14.174.261.196.082</b>	<b>13.084.847.897.467</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.523.956.606.533</b>	<b>7.474.895.414.897</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	25	1.172.131.991.626	1.160.954.234.781
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		133.743.132.844	106.429.353.496
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	26(b)	84.655.335.135	83.482.313.067
Phải trả người lao động	314		358.947.100.399	452.951.659.183
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	27(a)	103.479.650.197	108.710.655.223
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.887.077.661	7.888.880.246
Phải trả ngắn hạn khác	319	28(a)	867.817.129.975	572.775.002.858
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	30(a)	5.632.068.507.203	4.826.475.573.943
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	32	166.226.681.493	155.227.742.100
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.650.304.589.549</b>	<b>5.609.952.482.570</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	25	4.380.192.506	26.861.482.870
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		17.812.738.224	19.932.033.609
Chi phí phải trả dài hạn	333	27(b)	25.614.144.000	25.614.144.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	29	228.633.018.169	213.353.268.541
Phải trả dài hạn khác	337	28(b)	84.781.723.552	103.509.223.552
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	30(b)	5.151.242.450.651	5.088.480.662.528
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	67.018.645.700	61.104.288.874
Dự phòng phải trả dài hạn	342	31	70.736.582.965	70.982.251.715
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		85.093.782	115.126.881


*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	33	<b>7.791.200.296.203</b>	<b>7.821.312.498.406</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>7.759.787.931.759</b>	<b>7.788.889.846.384</b>
Vốn cổ phần	411	34	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Vốn khác của chủ sở hữu	414		42.247.219.989	42.248.630.739
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(740.362.454.896)	(742.835.089.736)
Quỹ đầu tư phát triển	418	36	526.596.892.356	494.461.905.677
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.085.008.524	10.981.645.059
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		492.456.265.208	569.477.391.709
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		213.505.721.668	183.521.885.595
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		278.950.543.540	385.955.506.114
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	37	550.677.792.232	550.677.792.232
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.847.175.557.454	1.833.965.919.812
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>31.412.364.444</b>	<b>32.422.652.022</b>
Nguồn kinh phí	431		10.525.932	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		31.401.838.512	32.422.652.022
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>21.965.461.492.285</b>	<b>20.906.160.395.873</b>

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

Người lập:


Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởngLê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	39	9.406.230.634.475	8.291.615.329.546
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	39	13.983.695.446	11.235.669.489
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>39</b>	<b>9.392.246.939.029</b>	<b>8.280.379.660.057</b>
Giá vốn hàng bán	11	40	8.471.177.475.119	7.435.123.889.904
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>921.069.463.910</b>	<b>845.255.770.153</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	41	164.926.324.181	107.243.597.465
Chi phí tài chính	22	42	275.202.670.776	207.766.149.964
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		204.965.834.959	178.699.657.976
Phần lãi trong công ty liên kết	24		338.772.045.627	285.962.076.697
Chi phí bán hàng	25	43	245.120.210.179	248.692.364.192
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	44	413.697.392.153	427.623.499.349
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>490.747.560.610</b>	<b>354.379.430.810</b>
Thu nhập khác	31	45	33.683.644.488	30.906.844.399
Chi phí khác	32	46	20.145.337.069	40.049.965.865
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>13.538.307.419</b>	<b>(9.143.121.466)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>504.285.868.029</b>	<b>345.236.309.344</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	48	41.149.540.022	28.000.355.368
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	48	5.436.943.411	13.798.282.117
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>457.699.384.596</b>	<b>303.437.671.859</b>

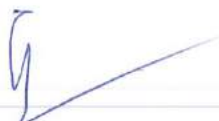
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)</b>	<b>60</b>		<b>457.699.384.596</b>	<b>303.437.671.859</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		278.950.543.540	160.674.759.600
Cổ đông không kiểm soát	62		178.748.841.056	142.762.912.259
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		<b>49</b>		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		558	321
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		503	289

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

  
Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởngLê Tiên Trường  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018  
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>504.285.868.029</b>	<b>345.236.309.344</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		466.172.341.888	351.974.664.831
Các khoản dự phòng	03		10.772.529.025	58.275.181.344
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		36.553.824.938	1.658.983.550
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(473.442.552.122)	(356.307.257.378)
Chi phí lãi vay	06		204.965.834.959	178.699.657.976
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>749.307.846.717</b>	<b>579.537.539.667</b>
Biến động các khoản phải thu	09		23.069.454.562	(161.174.594.672)
Biến động hàng tồn kho	10		(586.108.826.990)	(346.058.113.026)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(47.257.544.401)	(205.541.450.527)
Biến động chi phí trả trước	12		10.354.385.541	5.134.044.329
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		45.894.458.000	-
			<b>195.259.773.429</b>	<b>(128.102.574.229)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(200.702.672.860)	(200.140.433.191)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(31.708.110.008)	(44.164.570.179)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		26.025.932	401.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(85.147.292.345)	(44.791.609.903)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(122.272.275.852)</b>	<b>(416.798.187.502)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(622.274.208.808)	(865.731.890.875)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		10.574.297.295	8.911.862.599
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(335.051.019.106)	(107.147.070.579)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		114.826.543.245	232.557.331.753
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(2.025.610.010)	(3.709.416.128)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		83.748.696.265	3.021.590.040
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		409.364.160.444	335.700.035.790
Ảnh hưởng thuần của việc thoái vốn đầu tư vào công ty con		9	22.960.842.068	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(317.876.298.607)</b>	<b>(396.397.557.400)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31		12.475.730.500	21.126.046.343
Tiền thu từ đi vay	33		8.191.499.849.949	8.179.800.066.395
Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.363.576.917.305)	(7.091.062.451.587)
Tiền trả cổ tức	36		(155.992.403.438)	(113.052.304.490)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>684.406.259.706</b>	<b>996.811.356.661</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>244.257.685.247</b>	<b>183.615.611.759</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		1.496.319.038.319	1.496.458.060.972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.563.536.926	535.353.743
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>10</b>	<b>1.742.140.260.492</b>	<b>1.680.609.026.474</b>

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức là một công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC – TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

### **(b) Hoạt động chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

#### **1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:**

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
  - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
  - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị: kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn có 50 công ty con và 33 công ty liên kết (1/1/2018: 50 công ty con và 32 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	16	Xem Phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	26	Xem Phụ lục 2
Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	8	Xem Phụ lục 3
	50	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.	33	Xem Phụ lục 4
	83	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn có 38.007 nhân viên (1/1/2018: 40.316 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ một số chính sách kế toán được áp dụng trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vẫn còn có ảnh hưởng đến kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được mô tả dưới đây.

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như sau: Đối với khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải phân bổ vào chi phí trong năm 2016 ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017, số còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ cho những năm sau nhưng không quá 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

##### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(iii) *Mất quyền kiểm soát***

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

#### **(iv) *Công ty liên kết***

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

#### **(v) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất***

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

#### **(vi) *Hợp nhất kinh doanh***

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a). Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Nếu Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ phát sinh như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 sẽ cùng giảm 10.602 triệu VND (1/1/2018: 12.116 triệu VND) và chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 sẽ giảm và tăng cùng một giá trị là 1.515 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 1.515 triệu VND).

#### **(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(d) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

##### **(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn Dệt May Việt Nam khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

*Hàng tồn kho được sản xuất và để bán*

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

*Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai*

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

*Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai*

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác bao gồm chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

**(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn kiểm soát;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 5 – 50 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 10 năm |
| ▪ tài sản khác           | 4 – 10 năm |

**(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(j) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

**(k) Bất động sản đầu tư**

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban lãnh đạo công ty con. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 10 – 50 năm
- hạ tầng khu công nghiệp 4 – 45 năm

**(l) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(iii) Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước**

Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

**(iv) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(v) Lợi thế kinh doanh**

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và một số công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

**(vi) Phụ tùng thay thế**

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

**(vii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(viii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được ghi nhận phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

**(ix) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(n) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tập đoàn xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

**(o) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(p) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(q) Trái phiếu phát hành**

***Trái phiếu thường***

Trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(r) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(s) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(t) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

**(v) Doanh thu cho thuê lại đất thuê**

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

**(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(vii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(viii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### **(v) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

#### **(w) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

#### **(x) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

#### **(y) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

## **4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

#### **6. Các khoản mục bất thường**

Ngoài vấn đề được trình bày trong Thuyết minh 2(a) và Thuyết minh 28(a), Tập đoàn không có các khoản mục bất thường nào khác có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

#### **7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn**

Trong kỳ, Tập đoàn góp vốn thành lập một công ty con là Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng, đồng thời chuyên nhượng một số cổ phần, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà. Các thay đổi này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

#### **8. Báo cáo bộ phận**

##### **(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	8.261.935.286.200	503.412.080.285	626.899.572.544	-	9.392.246.939.029
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.345.028.451.866	125.895.247.762	10.615.048.016	(1.481.538.747.644)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận</b>	<b>9.606.963.738.066</b>	<b>629.307.328.047</b>	<b>637.514.620.560</b>	<b>(1.481.538.747.644)</b>	<b>9.392.246.939.029</b>
Phần lãi trong công ty liên kết	332.861.664.639	1.337.250.923	4.573.130.065	-	338.772.045.627
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>288.881.219.296</b>	<b>2.498.443.908</b>	<b>46.975.737.764</b>	<b>152.392.159.642</b>	<b>490.747.560.610</b>
Thu nhập khác	33.464.431.459	37.907.440	297.657.639	(116.352.050)	33.683.644.488
Chi phí khác	(20.030.583.996)	(60.104.708)	(171.000.415)	116.352.050	(20.145.337.069)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(32.432.602.004)	(358.973.816)	(8.357.964.202)	-	(41.149.540.022)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	(5.436.943.411)	(5.436.943.411)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b>	<b>269.882.464.755</b>	<b>2.117.272.824</b>	<b>38.744.430.786</b>	<b>146.955.216.231</b>	<b>457.699.384.596</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>					
Tài sản của bộ phận	23.659.746.770.127	277.708.998.078	2.213.774.641.384	(6.256.882.392.103)	19.894.348.017.486
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.473.703.117.650	412.560.000	7.807.875.000	589.189.922.149	2.071.113.474.799
<b>Tổng tài sản</b>	<b>25.133.449.887.777</b>	<b>278.121.558.078</b>	<b>2.221.582.516.384</b>	<b>(5.667.692.469.954)</b>	<b>21.965.461.492.285</b>
Tổng nợ phải trả	15.815.249.432.305	495.168.554.306	944.133.496.631	(3.080.290.287.160)	14.174.261.196.082
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>					
Chi tiêu vốn	603.696.308.899	-	19.881.967.483	(1.304.067.574)	622.274.208.808
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	427.852.470.008	851.679.447	16.519.702.375	(1.423.925.739)	443.799.926.091
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	1.724.646.342	-	-	-	1.724.646.342
Khấu hao tài sản cố định vô hình	2.618.632.909	-	14.013.168	-	2.632.646.077
Khấu hao bất động sản đầu tư	850.150.844	103.867.002	1.552.488.479	(121.120.253)	2.385.386.072

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.086.012.518.416	402.858.925.537	676.278.926.297	115.229.289.807	8.280.379.660.057
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.462.594.760.323	188.795.290.869	43.128.931.510	(1.694.518.982.702)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	8.548.607.278.739	591.654.216.406	719.407.857.807	(1.579.289.692.895)	8.280.379.660.057
Phần lãi trong công ty liên kết	268.170.942.413	11.164.943.997	6.626.190.287	-	285.962.076.697
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	189.207.928.517	(8.304.495.165)	16.556.542.608	156.919.454.850	354.379.430.810
Thu nhập khác	37.847.640.717	193.680.954	2.050.210.794	(9.184.688.066)	30.906.844.399
Chi phí khác	(40.321.999.565)	(4.544.465.622)	(565.490.944)	5.381.990.266	(40.049.965.865)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(20.724.921.956)	(295.521.423)	(6.979.911.989)	-	(28.000.355.368)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(46.218.806)	-	-	(13.752.063.311)	(13.798.282.117)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN	165.962.428.907	(12.950.801.256)	11.061.350.469	139.364.693.739	303.437.671.859

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>					
Tài sản của bộ phận	22.752.287.485.520	338.778.653.975	2.213.971.206.938	(6.287.483.824.819)	19.017.553.521.614
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.473.703.117.650	412.560.000	307.875.000	414.183.321.609	1.888.606.874.259
<b>Tổng tài sản</b>	<b>24.225.990.603.170</b>	<b>339.191.213.975</b>	<b>2.214.279.081.938</b>	<b>(5.873.300.503.210)</b>	<b>20.906.160.395.873</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>14.645.651.136.221</b>	<b>490.949.064.894</b>	<b>998.368.920.962</b>	<b>(3.050.121.224.610)</b>	<b>13.084.847.897.467</b>
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>					
Chi tiêu vốn	776.279.861.700	722.141.639	95.063.680.247	(6.333.792.711)	865.731.890.875
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	318.405.480.899	967.740.391	32.535.917.248	(25.525.035.231)	326.384.103.307
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	4.589.621.357	-	-	-	4.589.621.357
Khấu hao tài sản cố định vô hình	2.274.078.720	-	44.145.226	-	2.318.223.946
Khấu hao bất động sản đầu tư	784.457.369	81.780.884	1.189.062.721	-	2.055.300.974

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>			
Tổng doanh thu của bộ phận	2.927.734.340.966	6.464.512.598.063	9.392.246.939.029
Kết quả kinh doanh của bộ phận	389.930.129.313	531.139.334.597	921.069.463.910
Thu nhập không phân bổ			503.698.369.808
Chi phí không phân bổ			(934.020.273.108)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			490.747.560.610
Thu nhập khác			33.683.644.488
Chi phí khác			(20.145.337.069)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(46.586.483.433)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			457.699.384.596
	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>			
Tài sản của bộ phận	1.477.752.168.074	1.176.523.326.315	2.654.275.494.389
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ			19.311.185.997.896
Tổng tài sản			21.965.461.492.285
Nợ phải trả của bộ phận	739.584.470.109	588.483.585.091	1.328.068.055.200
Các khoản nợ không phân bổ			12.846.193.140.882
Tổng nợ phải trả			14.174.261.196.082

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>			
Tổng doanh thu của bộ phận	2.748.176.732.565	5.532.202.927.492	8.280.379.660.057
Kết quả kinh doanh của bộ phận	395.543.152.001	449.712.618.152	845.255.770.153
Thu nhập không phân bổ			393.205.674.162
Chi phí không phân bổ			(884.082.013.505)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			354.379.430.810
Thu nhập khác			30.906.844.399
Chi phí khác			(40.049.965.865)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(41.798.637.485)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			303.437.671.859
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>			
Tài sản của bộ phận	1.194.873.751.749	1.015.666.874.720	2.210.540.626.469
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ			18.695.619.769.404
Tổng tài sản			20.906.160.395.873
Nợ phải trả của bộ phận	917.355.238.076	396.821.866.680	1.314.177.104.756
Các khoản nợ không phân bổ			11.770.670.792.711
Tổng nợ phải trả			13.084.847.897.467

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Thoái vốn đầu tư vào công ty con**

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư vào một công ty con của công ty này là Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà với giá trị ghi sổ là 22,5 tỷ VND cho các nhà đầu tư khác, qua đó, giảm tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà từ 100% xuống còn 25%. Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà trở thành công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex và của Tập đoàn.

Giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ tại thời điểm mất quyền kiểm soát VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	664.157.932
Các khoản phải thu ngắn hạn	7.563.309.858
Hàng tồn kho	4.132.412.070
Tài sản ngắn hạn khác	225.121.699
Tài sản cố định	43.724.089.237
Tài sản dở dang dài hạn	52.970.136
Tài sản dài hạn khác	938.699.146
Nợ ngắn hạn	(10.767.758.509)
Nợ dài hạn	(16.775.130.000)
<b>Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 tại ngày mất quyền kiểm soát</b>	<b>29.757.871.569</b>
Lãi do thoái vốn đầu tư vào công ty con	1.306.596.323
<b>Giá thanh lý</b>	<b>31.064.467.892</b>
<b>Phần tài sản thuần thuộc công ty con cấp 1 sau khi mất quyền kiểm soát</b>	<b>(7.439.467.892)</b>
Tiền thu được từ thoái vốn	23.625.000.000
Khoản tiền giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(664.157.932)
<b>Khoản tiền thuần tăng lên do thoái vốn đầu tư vào công ty con</b>	<b>22.960.842.068</b>

Lãi phát sinh do mất quyền kiểm soát tại các công ty con được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Thuyết minh 41).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
Tiền mặt	13.936.288.353	12.983.910.580
Tiền gửi ngân hàng	340.950.201.852	301.819.970.668
Tiền đang chuyển	37.352.190	-
Các khoản tương đương tiền	1.387.216.418.097	1.181.515.157.071
	<hr/>	<hr/>
	1.742.140.260.492	1.496.319.038.319

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có 7.562 triệu VND (1/1/2018: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 28(a)).

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm 150.000 triệu VND (1/1/2018: 142.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2018			1/1/2018				
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	170.000	1.167.720.000	1.292.000.000	-	6.919.185	47.062.178.000	51.893.887.500	-

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chi nhằm mục đích thuyết minh thông tin.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	718.539.943.185	729.444.568.311	673.314.344.818	684.321.092.644
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	905.000.000		4.905.000.000	(**)
▪ Trái phiếu	1.200.000.000		1.000.000.000	(**)
	<u>2.105.000.000</u>		<u>5.905.000.000</u>	

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,3% đến 7,2% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: 6% đến 7,5%) một năm.

(ii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng và hưởng lãi suất từ 6% đến 6,2% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: 6,2% đến 6,6%) một năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2018			1/1/2018			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên kết</b>							
▪ Tổng Công ty May 10 - CTCP	33,80%	33,80%	66.385.599.006	33,80%	33,80%	63.109.850.824	(*)
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	402.340.454.347	30,40%	30,40%	358.401.200.761	(*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	211.243.610.660	46,93%	46,93%	191.737.465.836	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dầu từ Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	33.732.379.013	27,00%	27,00%	30.072.867.458	(*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	93.002.093.672	27,69%	27,69%	87.465.848.519	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Đức Giang	35,20%	35,20%	47.295.448.002	35,20%	35,20%	41.480.458.036	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	106.113.166.827	35,01%	35,01%	98.233.343.941	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	85.436.694.984	30,00%	30,00%	85.229.836.420	(*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	436.844.805.570	17,86%	17,86%	353.406.378.107	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thu Đức	22,05%	22,05%	144.120.898.201	22,05%	22,05%	142.760.307.656	(*)
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			444.598.324.517			436.709.316.701	(*)
			<b>2.071.113.474.799</b>			<b>1.888.606.874.259</b>	

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị khác	30/6/2018		1/1/2018		Giá trị hợp lý VND
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>					
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	2.011.852.750
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>					
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	(*)
▪ Các khoản đầu tư khác			179.612.808.377	(28.101.025.106)	(*)
			<u>220.544.923.352</u>	<u>(28.101.025.106)</u>	<u>251.716.814.537</u>
					<u>(21.700.466.319)</u>

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 205.403 triệu VND (1/1/2018: 206.403 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 30).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	1.888.606.874.259	1.850.568.941.017
Tăng trong kỳ	7.500.000.000	2.184.716.108
Phần lãi trong công ty liên kết	338.772.045.627	285.962.076.697
Cổ tức được chia	(163.764.034.337)	(104.186.621.710)
Khác	(1.410.750)	(684.569.546)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.071.113.474.799</b>	<b>2.033.844.542.566</b>

## 12. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan (*)	129.841.970.285	237.051.723.694
Phải thu các khách hàng khác	2.312.776.566.745	1.817.269.466.548
	<b>2.442.618.537.030</b>	<b>2.054.321.190.242</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, các khoản phải thu khách hàng có giá trị số là 399.649 triệu VND (1/1/2018: 339.286 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 30).

(\*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là bên liên quan như sau:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	67.594.048.784	61.133.310.622
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	18.358.330.404	68.330.000.504
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	5.615.220.988	81.624.087.388
Các công ty liên quan khác	38.274.370.109	25.964.325.180
	<b>129.841.970.285</b>	<b>237.051.723.694</b>

Khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú – Daewon – Thủ Đức	2.500.000.000	2.500.000.000
Các công ty liên quan khác	1.470.042.156	1.470.042.156
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	162.800.000.000	157.300.000.000
Các công ty khác	761.400.000	857.400.000
	<b>167.531.442.156</b>	<b>162.127.442.156</b>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất dao động từ 6,5% đến 10% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: 6,5% đến 10%) một năm.

**14. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	260.399.603.683	376.554.545.668
Phải thu lãi cho vay	119.410.387.687	171.464.480.347
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	41.000.000.000	45.655.996.176
Phải thu các khoản tạm ứng	40.907.090.860	38.438.829.241
Ký cược, ký quỹ	36.622.468.835	41.286.433.898
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	29.669.163.880	41.836.522.880
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	22.741.823.751	15.187.840.986
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	10.904.625.126	11.006.747.826
Phải thu người lao động	8.483.747.631	1.689.721.048
Phải thu về cổ phần hóa	6.123.199.277	6.123.199.277
Các khoản chi hộ	7.240.944.230	7.088.237.176
Phải thu tiền cho thuê đất trong KCN Dệt May Phố Nối B	3.649.410.571	3.649.410.571
Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh từ Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	3.242.551.090
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	2.924.339.219	2.924.339.219
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm đang chờ xử lý	1.927.688.276	15.721.527.834
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu được hoàn	1.351.989.985	1.375.785.827
Phải thu tiền chuyển nhượng dự án Lê Minh Xuân	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu khác	89.330.089.061	61.494.555.134
	<b>687.229.123.162</b>	<b>846.040.724.198</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	131.893.288.571	136.000.000.000
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	29.669.163.880	61.189.226.964
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	12.600.000.000	10.080.000.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	40.217.760.000
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	-	14.230.339.200
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	-	24.637.500.000
Các công ty liên quan khác	3.078.534.762	22.595.863.610
	<b>177.240.987.213</b>	<b>308.950.689.774</b>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (i)	307.013.590.759	434.257.522.603
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	119.322.594.796	119.322.594.796
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	208.451.853.740	286.448.868.412
Ký quỹ, ký cược dài hạn	66.149.838.788	47.039.359.714
Phải thu dài hạn khác	18.423.045.811	50.427.650.511
	<b>719.360.923.894</b>	<b>937.495.996.036</b>

(i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát sau:

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án Khu Công nghiệp Đồng Mai	250.000.000.000	250.000.000.000
Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân	43.532.895.759	43.532.895.759
Dự án Trung Thủy	13.480.695.000	13.480.695.000
Dự án Khu nhà ở công nhân Phước Long B	-	127.243.931.844
	<b>307.013.590.759</b>	<b>434.257.522.603</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Nợ xấu và nợ khó đòi**

Thời gian quá hạn	30/6/2018			1/1/2018			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>							
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	35.190.572.750	(34.867.609.719)	322.963.031	Từ 2 đến trên 3 năm	35.500.072.750	(34.961.801.031)	538.271.719
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	40.343.792.764	(40.000.724.367)	343.068.397	Từ 2 đến trên 3 năm	40.343.792.764	(39.966.906.135)	376.886.629
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	29.931.566.760	(29.931.566.760)	-	Trên 3 năm	29.931.566.760	(29.931.566.760)	-
Các khách hàng khác	220.468.611.799	(194.147.964.848)	26.320.646.951	Trên 2 năm	224.633.245.898	(191.357.183.069)	33.276.062.829
	325.934.544.073	(298.947.865.694)	26.986.678.379		330.408.678.172	(296.217.456.995)	34.191.221.177

**Nợ trong hạn nhưng  
khó có khả năng thu hồi**

Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	119.322.594.796	(119.322.594.796)	-		119.322.594.796	(119.322.594.796)	-
--	-----------------	-------------------	---	--	-----------------	-------------------	---

**Trong đó:**

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	(298.947.865.694)					(296.217.456.995)	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn	(119.322.594.796)					(119.322.594.796)	

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Hàng tồn kho**

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	161.676.385.780	(241.060.556)	127.903.966.072	(420.248.993)
Nguyên vật liệu	1.569.288.873.742	(16.083.474.637)	1.215.794.223.309	(13.173.645.546)
Công cụ và dụng cụ	11.616.925.299	-	12.041.859.534	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.465.726.834.093	-	1.313.480.764.813	-
Thành phẩm	1.029.034.295.898	(75.525.957.815)	907.116.605.338	(76.690.032.363)
Hàng hóa	43.313.869.514	(2.536.238.635)	44.712.721.460	(2.216.957.587)
Hàng gửi đi bán	31.213.489.024	-	108.845.501.039	-
	<b>4.311.870.673.350</b>	<b>(94.386.731.643)</b>	<b>3.729.895.641.565</b>	<b>(92.500.884.489)</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 702.854 triệu VND (1/1/2018: 684.423 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có 181.002 triệu VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2018: 140.129 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	3.314.192.507.950	8.359.806.984.347	322.967.926.530	93.816.516.276	145.850.658.984	12.236.634.594.087
Tăng trong kỳ	11.178.589.384	218.884.672.672	12.765.407.006	418.757.591	3.532.862.862	246.780.289.515
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	228.920.692.430	481.374.017.226	34.040.474.723	9.918.722.157	14.980.660.328	769.234.566.864
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	3.047.418.141	-	-	-	3.047.418.141
Thanh lý	(1.287.058.992)	(108.074.097.633)	(6.272.181.189)	(4.507.065.695)	(52.066.364)	(120.192.469.873)
Phân loại lại	(12.710.282.367)	17.472.219.238	113.020.694	(4.874.957.565)	-	-
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(31.108.858.428)	(30.161.234.109)	(6.212.803.246)	(205.513.014)	(1.151.233.523)	(68.839.642.320)
Số dư cuối kỳ	3.509.185.589.977	8.942.349.979.882	357.401.844.518	94.566.459.750	163.160.882.287	13.066.664.756.414
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	1.115.569.267.619	4.408.948.896.675	185.565.871.178	52.048.728.271	81.451.862.264	5.843.584.626.007
Khấu hao trong kỳ	76.394.310.357	340.605.569.970	14.639.913.638	3.816.565.894	8.343.566.232	443.799.926.091
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	3.047.418.141	-	-	-	3.047.418.141
Thanh lý	(828.865.326)	(98.966.718.799)	(6.272.181.188)	(4.495.607.241)	(52.066.364)	(110.615.438.918)
Phân loại lại	(3.418.643.390)	2.957.416.679	1.746.495.914	(1.285.269.203)	-	-
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(7.187.632.234)	(14.751.671.845)	(2.532.282.436)	(85.808.575)	(837.593.993)	(25.394.989.083)
Số dư cuối kỳ	1.180.528.437.026	4.641.840.910.821	193.147.817.106	49.998.609.146	88.905.768.139	6.154.421.542.238
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	2.198.623.240.331	3.950.858.087.672	137.402.055.352	41.767.788.005	64.398.796.720	6.393.049.968.080
Số dư cuối kỳ	2.328.657.152.951	4.300.509.069.061	164.254.027.412	44.567.850.604	74.255.114.148	6.912.243.214.176

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 2.069.266 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 1.729.352 triệu VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 12.379 triệu VND (1/1/2018: 5.672 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.409.359 triệu VND (1/1/2018: 4.849.985 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 30).

**18. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	54.678.623.440	1.198.728.546	55.877.351.986
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.047.418.141)	-	(3.047.418.141)
Số dư cuối kỳ	51.631.205.299	1.198.728.546	52.829.933.845
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	10.951.278.920	19.978.810	10.971.257.730
Khấu hao trong kỳ	1.664.709.912	59.936.430	1.724.646.342
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.047.418.141)	-	(3.047.418.141)
Số dư cuối kỳ	9.568.570.691	79.915.240	9.648.485.931
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	43.727.344.520	1.178.749.736	44.906.094.256
Số dư cuối kỳ	42.062.634.608	1.118.813.306	43.181.447.914

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	146.230.989.485	17.683.114.671	1.685.828.911	165.599.933.067
Tăng trong kỳ	-	400.000.000	400.000.000	800.000.000
Thanh lý	-	(281.301.730)	-	(281.301.730)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	(503.520.000)	-	(503.520.000)
Số dư cuối kỳ	146.230.989.485	17.298.292.941	2.085.828.911	165.615.111.337
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	21.359.515.116	10.912.747.057	613.868.721	32.886.130.894
Khấu hao trong kỳ	1.384.289.820	1.153.115.005	95.241.252	2.632.646.077
Thanh lý	-	(281.301.730)	-	(281.301.730)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	(224.084.000)	-	(224.084.000)
Số dư cuối kỳ	22.743.804.936	11.560.476.332	709.109.973	35.013.391.241
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	124.871.474.369	6.770.367.614	1.071.960.190	132.713.802.173
Số dư cuối kỳ	123.487.184.549	5.737.816.609	1.376.718.938	130.601.720.096

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định vô hình có nguyên giá 6.743 triệu VND (1/1/2018: 6.599 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

## 20. Bất động sản đầu tư

### Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá	Hạ tầng khu công nghiệp VND	Nhà cửa VND	Vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	138.708.893.771	54.112.959.020	1.381.963.673	194.203.816.464
Tăng trong kỳ	3.912.998.836	-	-	3.912.998.836
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	411.368.182	-	411.368.182
Số dư cuối kỳ	142.621.892.607	54.524.327.202	1.381.963.673	198.528.183.482
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	5.410.457.315	21.981.167.889	559.745.406	27.951.370.610
Khấu hao trong kỳ	1.431.368.226	903.955.331	50.062.515	2.385.386.072
Số dư cuối kỳ	6.841.825.541	22.885.123.220	609.807.921	30.336.756.682
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	133.298.436.456	32.131.791.131	822.218.267	166.252.445.854
Số dư cuối kỳ	135.780.067.066	31.639.203.982	772.155.752	168.191.426.800

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại số 26 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam là một số nhà kho, nhà xưởng, và trạm biến áp tại Ấp Tân Thái, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và căn hộ chung cư New Town Số 69, Đường 18, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là các căn hộ cho thuê tại Chung cư Nhân Phú, Số 26 Đường 7, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

**21. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.292.091.470.162	1.132.142.569.223
Tăng trong kỳ	371.826.918.407	701.630.667.439
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(769.234.566.864)	(713.606.799.475)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(75.111.500)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(411.368.182)	(232.344.229)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(32.509.617.749)	(20.663.605.527)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(52.970.136)	-
Thanh lý	-	(5.110.951.188)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>861.709.865.638</b>	<b>1.094.084.424.743</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
▪ Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
• Nhà máy Sợi Nam Định	17.326.009.802	17.326.009.802
• Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	6.714.821.764	6.714.821.764
• Nhà máy May Tuyên Quang	10.205.514.823	10.205.514.823
• Dự án Khu liên hợp Sợi - Dệt - Nhuộm - May Quảng Nam	107.619.794.307	66.631.675.190
• Nhà máy sợi 2	7.492.867.447	7.492.867.447
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
• Nhà máy Sợi 2	43.174.752.220	25.081.766.428
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
• Dự án Nhà máy May	3.766.939.729	7.352.934.720
• Văn phòng Ngô Thì Nhậm	34.890.087.845	33.091.419.029
• Nhà máy Sợi Hưng Yên	5.969.519.432	5.965.179.674
• Dự án Nhà máy Sản xuất vải Vinafa	49.011.150.742	36.539.190.329
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam		
• Trang trại trồng bông công nghệ cao Đăk Lăk	12.493.091.904	12.493.091.904
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
• Đầu tư thiết bị Nhà máy Sợi 1	18.895.679.476	22.487.064.840
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
• Công trình Nhà máy May 4	6.039.493.555	25.586.075.448
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
• Nhà máy Kéo sợi tại KCN Đồng Văn	-	13.541.906.107
▪ Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam - Hanosimex		
• Công trình xây dựng Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam Hanosimex	27.195.303.541	27.096.301.744
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động Lực	577.844.086	337.053.941
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	13.262.879.215	13.297.821.982
• Xây dựng Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc	641.983.008	311.604.799.059
• Các công trình khác	6.571.668.785	2.292.907.146
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
• Dự án khu nhà ở, trung tâm thương mại và siêu thị	54.972.495.289	54.972.495.289
▪ Công ty Cổ phần Bông Việt Nam		
• Dự án công nghệ sinh học	2.238.168.619	2.238.168.619
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú		
• Thi công xây dựng Xưởng dệt Jacquard	-	1.307.130.682
• Xưởng chuẩn bị	-	3.772.708.095
• Máy móc thiết bị	663.572.267	12.814.921.061
• Thi công hệ thống cơ điện dệt Ninh Thuận	-	5.068.821.524
• Hệ thống xử lý nước thải Dệt - Nhuộm giai đoạn 2 mở rộng	10.272.767.852	7.514.461.613

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
• Phân xưởng may	2.668.552.728	4.454.392.728
• Khuôn viên nhà 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Lâm Đồng - Đà Lạt	-	35.858.232.996
• Dự án Khăn bông và Vải denim	294.962.593.296	273.345.490.172
• Dự án đầu tư khu du lịch nghỉ dưỡng Phong Phú - Lagi - Bình Thuận	3.682.535.775	3.682.535.775
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex		
• Nhà cửa	2.706.071.236	2.706.071.236
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex		
• Nhà máy May Tuyên Quang	-	175.715.028.726
▪ Các công trình khác	117.693.706.895	63.502.610.269
	<hr/>	<hr/>
	861.709.865.638	1.292.091.470.162
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 765.022 triệu VND (1/1/2018: 801.334 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 30).

Trong kỳ, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 1.046 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: 4.580 triệu VND).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Trả trước phí bảo hiểm	3.215.357.673	2.761.209.173
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	9.896.450.967	10.755.761.228
Công cụ, dụng cụ	12.533.015.778	11.443.020.281
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	18.794.587.133	8.936.050.953
	<b>44.439.411.551</b>	<b>33.896.041.635</b>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí hoạt động trước động VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà máy trả trước VND	Công cụ, dụng cụ VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	450.726.244	189.709.963.374	51.760.559.658	72.757.306.767	16.376.996.936	29.305.787.305	12.116.851.492	57.572.043.031	430.050.234.807
Tăng trong kỳ	-	-	1.473.863.635	21.183.463.062	4.101.481.546	18.356.082.846	-	8.093.987.176	53.208.878.265
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	18.693.382.371	-	2.971.655.008	-	10.844.580.370	32.509.617.749
Giảm do mất quyền kiểm soát tài công ty con	-	-	-	(349.267.472)	-	-	-	(589.431.674)	(938.699.146)
Phân bổ trong kỳ	(107.833.441)	(4.522.119.454)	(4.877.136.925)	(29.202.627.077)	(5.283.832.691)	(14.522.209.247)	(1.514.606.436)	(17.659.688.759)	(77.690.054.030)
Phân loại lại	-	-	-	3.490.051.969	112.603.313	(3.520.295.635)	-	(82.359.647)	-
Số dư cuối kỳ	342.892.803	185.187.843.920	48.357.286.368	86.572.309.620	15.307.249.104	32.591.020.277	10.602.245.056	58.179.130.497	437.139.977.645

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 46.394 triệu VND (1/1/2018: 46.394 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</b>			
Tài sản cố định	20%	1.479.176.660	1.479.176.660
Các khoản mục khác	20%	4.713.296.767	4.235.883.352
<b>Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		<b>6.192.473.427</b>	<b>5.715.060.012</b>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:</b>			
Các khoản dự phòng	20%	67.018.645.700	61.104.288.874
<b>Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		<b>67.018.645.700</b>	<b>61.104.288.874</b>

**24. Lợi thế thương mại**

	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	57.604.599.256
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	42.138.380.861
Khấu hao trong kỳ	11.107.617.852
Số dư cuối kỳ	53.245.998.713
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu kỳ	15.466.218.395
Số dư cuối kỳ	4.358.600.543

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Phải trả người bán**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
▪ Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	164.489.754.902	120.145.782.691
▪ Phải trả người bán khác	1.007.642.236.724	1.040.808.452.090
	1.172.131.991.626	1.160.954.234.781
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>		
▪ Phải trả người bán khác	4.380.192.506	26.861.482.870
	4.380.192.506	26.861.482.870

(\*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các công ty liên quan như sau:

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	33.038.075.255	32.205.772.689
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	24.138.705.929	20.063.845.758
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	82.133.351.973	57.978.960.944
Các công ty liên quan khác	25.179.621.745	9.897.203.300
	164.489.754.902	120.145.782.691

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>	<b>Số phải thu</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đã được hoàn/</b> <b>bù trừ trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2018</b> <b>VND</b>
<b>Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.559.535.672	400.000.000	(3.520.651.744)	5.438.883.928
Thuế xuất nhập khẩu	5.722.652.743	673.785.405	(5.441.789.475)	954.648.673
Thuế nhà đất	18.487.194	4.633.027	(18.487.194)	4.633.027
Các loại thuế khác	497.193.925	395.702.570	(108.474.248)	784.422.247
<b>Các khoản khác</b>				
Các khoản khác	15.256.068.562	7.795.007.464	(22.182.522.607)	868.553.419
	<b>30.053.938.096</b>	<b>9.269.128.466</b>	<b>(31.271.925.268)</b>	<b>8.051.141.294</b>

**(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>	<b>Số phải nộp</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đã nộp/</b> <b>bù trừ trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2018</b> <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	25.866.050.758	314.702.015.313	(315.839.904.979)	24.728.161.092
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.444.010.996	(1.394.844.906)	49.166.090
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.256.823.728	41.149.540.022	(34.828.761.752)	24.577.601.998
Thuế thu nhập cá nhân	9.382.672.596	7.496.918.593	(14.464.602.315)	2.414.988.874
Thuế tài nguyên	135.718.223	657.274.408	(623.888.278)	169.104.353
Thuế nhà đất	13.754.553.417	10.124.317.837	(9.817.428.129)	14.061.443.125
Tiền thuê đất	16.086.494.345	10.869.845.008	(8.302.645.750)	18.653.693.603
Các loại thuế khác	-	121.794.700	(120.618.700)	1.176.000
	<b>83.482.313.067</b>	<b>386.565.716.877</b>	<b>(385.392.694.809)</b>	<b>84.655.335.135</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Chi phí phải trả**

**(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	42.154.397.078	35.396.461.795
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	23.031.228.826	32.358.350.533
Chi phí gia công thuê ngoài	6.400.858.322	3.796.303.841
Phí hoa hồng	6.274.323.672	2.004.942.997
Chi phí cải tạo, sửa chữa	5.494.582.396	7.025.427.734
Chi phí hoạt động	4.028.232.752	8.165.119.778
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	1.855.575.998	2.540.537.817
Chi phí phải trả khác	14.240.451.153	16.474.838.728
	<hr/>	<hr/>
	103.479.650.197	107.761.983.223
Chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	948.672.000
	<hr/>	<hr/>
	103.479.650.197	108.710.655.223
	<hr/>	<hr/>

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê đất phải trả (*)	25.614.144.000	26.562.816.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(948.672.000)
	<hr/>	<hr/>
	25.614.144.000	25.614.144.000
	<hr/>	<hr/>

(\*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 50 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 14 tháng 3 năm 2055) được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo năm 2012 của Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	360.509.747.843	363.057.205.021
Phải trả cổ tức	270.046.390.310	19.924.764.313
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	46.642.437.199	34.171.117.244
Tiền bồi thường đất phải trả Nhà nước liên quan đến giải phóng mặt bằng	22.037.208.401	16.637.208.401
Phải trả lãi vay cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	20.037.524.417	20.334.104.264
Phải trả lãi vay khác	21.422.427.549	24.950.134.767
Quỹ từ thiện	14.101.227.627	5.680.518.491
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN	7.573.891.012	7.562.091.012
Phải trả về cổ phần hóa	5.713.645.128	5.919.084.298
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	1.622.150.180	1.503.100.532
Các khoản phải trả khác	98.110.480.309	73.035.674.515
	<b>867.817.129.975</b>	<b>572.775.002.858</b>

(\*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Công văn số 17623/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	45.037.427.000	45.037.427.000
Nhận góp vốn dài hạn	6.826.000.000	6.826.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	14.212.500.000	26.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	18.705.796.552	25.433.296.552
	<hr/> 84.781.723.552	<hr/> 103.509.223.552 <hr/>

(\*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án Xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại số 67 Phố Ngô Thì Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

**29. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	<b>30/6/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Doanh thu nhận trước	232.602.480.683	219.500.332.793
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(3.969.462.514)	(6.147.064.252)
	<hr/> 228.633.018.169	<hr/> 213.353.268.541 <hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**30. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuế tài chính**

**(a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	1/1/2018		Biến động trong kỳ		30/6/2018	
	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	4.232.532.104.576	4.232.532.104.576	7.950.710.390.252	(7.201.491.533.472)	4.981.750.961.356	4.981.750.961.356
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 30(b)(i))	459.059.762.177	459.059.762.177	208.937.021.905	(274.812.857.465)	393.183.926.617	393.183.926.617
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 30(b)(i))	114.000.000.000	114.000.000.000	130.000.000.000	-	244.000.000.000	244.000.000.000
Nợ gốc thuế tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	20.003.297.190	20.003.297.190	2.341.038.567	(9.650.921.527)	12.693.414.230	12.693.414.230
Nợ dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	880.410.000	880.410.000	440.205.000	(880.410.000)	440.205.000	440.205.000
	4.826.475.573.943	4.826.475.573.943	8.292.428.655.724	(7.486.835.722.464)	5.632.068.507.203	5.632.068.507.203

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, trong khoản vay ngắn hạn có 1.493.897 triệu VND (1/1/2018: 1.651.251 triệu VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 tổng cộng là 1.489.329 triệu VND (1/1/2018: 1.704.664 triệu VND) (Thuyết minh 10, 11, 12, 16, 17, 21 và 22(b)). Các khoản vay này chịu lãi suất từ 1,5% đến 10% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: từ 1,4% đến 9%) một năm.

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 1,3% đến 10% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: từ 1,4% đến 8,5%) một năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn (i)	5.526.991.499.722	5.298.678.876.949
Trái phiếu thường (ii)	244.000.000.000	314.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	30.128.291.776	39.544.024.794
Nợ dài hạn khác	440.205.000	30.201.230.152
	5.801.559.996.498	5.682.424.131.895
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(650.317.545.847)	(593.943.469.367)
	5.151.242.450.651	5.088.480.662.528

**(i) Vay dài hạn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, trong khoản vay dài hạn có 4.827.320 triệu VND (1/1/2018: 4.931.780 triệu VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 5.189.352 triệu VND (1/1/2018: 5.091.018 triệu VND) (Thuyết minh 10, 11, 12, 16, 17, 21 và 22(b)). Các khoản vay này chịu lãi suất từ 2,5% đến 11% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: 2,1% đến 11%) một năm.

Các khoản vay dài hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 2,5% đến 11% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017: 2,4% đến 10%) một năm.

Trong khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ là 1.608.980 triệu VND (1/1/2018: 1.592.255 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Trái phiếu thường**

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	VND	10%	2019	244.000.000.000	314.000.000.000
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng				(244.000.000.000)	(114.000.000.000)
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				-	200.000.000.000

Trái phiếu thường được phát hành bởi Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Các trái phiếu thường này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại các công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam và Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang với tổng giá trị ghi sổ là 164.403 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 164.403 triệu VND). Theo các điều khoản của trái phiếu đã phát hành, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể thỏa thuận với các nhà đầu tư để mua lại các trái phiếu này trước ngày đáo hạn.

**31. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Chi phí di dời VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	68.001.284.965	2.980.966.750	70.982.251.715
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	559.073.004	559.073.004
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(804.741.754)	(804.741.754)
Số dư cuối kỳ	68.001.284.965	2.735.298.000	70.736.582.965

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	155.227.742.100	139.521.407.812
Trích lập trong kỳ	90.512.145.047	77.143.007.237
Sử dụng trong kỳ	(79.513.205.654)	(36.515.374.026)
Số dư cuối kỳ	166.226.681.493	180.149.041.023

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**33. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

Số dư tại ngày 1/1/2017	Vốn góp	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chính sách đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Tổng cộng VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND
5.000.000.000.000	42.248.630.739	29.911.650.892	-	-	(742.835.089.736)	457.818.876.459	10.981.645.059	555.190.797.152	553.877.792.360	1.651.984.049.504	7.559.178.352.429	7.594.470.534.040	35.292.181.611
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	21.126.046.343	21.126.046.343	21.126.046.343	401.000.000
	-	-	-	-	-	-	-	160.674.759.600	-	142.762.912.259	303.437.671.859	303.437.671.859	-
	-	-	-	-	-	41.791.187.205	103.363.465	(41.804.550.670)	-	(27.405.999.597)	(77.143.007.237)	(77.143.007.237)	-
	-	-	-	-	-	-	(51.681.732)	(49.737.007.640)	-	(122.318.268)	(174.000.000)	(1.483.434.293)	-
	-	-	-	-	-	-	-	(250.000.000.000)	-	(141.893.683.389)	(391.893.683.389)	(391.893.683.389)	-
	-	-	-	-	-	714.117.568	-	(3.418.995.675)	(530.638.540)	5.389.669.633	2.154.452.986	2.252.661.643	98.208.637
<b>Số dư tại ngày 30/6/2017</b>	<b>42.248.630.739</b>	<b>29.911.650.892</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(742.835.089.736)</b>	<b>500.324.181.232</b>	<b>11.033.326.792</b>	<b>370.815.002.767</b>	<b>553.347.153.820</b>	<b>1.651.840.976.485</b>	<b>7.416.685.832.991</b>	<b>7.451.167.788.966</b>	<b>34.481.955.975</b>
<b>Số dư tại ngày 1/1/2018</b>	<b>42.248.630.739</b>	<b>29.911.650.892</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(742.835.089.736)</b>	<b>494.461.905.677</b>	<b>10.981.645.059</b>	<b>569.477.391.709</b>	<b>550.671.792.232</b>	<b>1.833.965.919.812</b>	<b>7.788.889.846.384</b>	<b>7.821.312.498.406</b>	<b>32.422.652.022</b>
	-	-	-	-	-	-	-	278.950.543.540	-	12.475.730.500	12.475.730.500	12.475.730.500	-
	-	-	-	-	3.296.846.453	-	-	-	-	178.748.841.056	457.699.384.596	457.699.384.596	-
	-	-	-	-	-	34.648.935.986	103.363.465	(34.752.290.451)	-	-	3.296.846.453	3.296.846.453	-
	-	-	-	-	-	(2.513.949.207)	-	(71.999.450.938)	-	(18.512.694.119)	(90.512.145.047)	(90.512.145.047)	-
	-	-	-	-	-	-	-	(250.000.000.000)	-	(3.074.604.285)	(5.588.553.592)	(5.604.053.592)	-
	-	-	-	-	-	-	-	780.080.338	-	(156.114.029.435)	(406.114.029.435)	(406.114.029.435)	-
	-	-	-	-	(824.211.613)	-	-	-	-	(313.606.075)	(359.148.100)	(1.379.961.610)	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2018</b>	<b>42.247.219.989</b>	<b>29.911.650.892</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(740.362.454.896)</b>	<b>526.596.892.356</b>	<b>11.085.008.524</b>	<b>402.456.365.208</b>	<b>550.677.792.232</b>	<b>1.847.175.557.454</b>	<b>7.759.787.931.759</b>	<b>7.791.200.296.203</b>	<b>31.412.364.444</b>

(\*) Chính sách đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong các công ty nhân đầu tư vẫn được phân ánh theo giá gốc của khoản đầu tư chứ không phải giá trị được xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	<b>30/6/2018 và 1/1/2018</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	30/6/2018 Số cổ phiếu VND	%	1/1/2018 Số cổ phiếu VND
Nhà nước	267.438.100	53,49%	267.438.100
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX (trước là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam) (*)	35.000.000	7,00%	70.000.000
Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	50.000.000	10,00%	50.000.000
ITOCHU Textile Prominent (ASIA) Limited	65.000.000	13,00%	150.000.000
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	6,00%	30.000.000
Các cổ đông khác	52.561.900	10,51%	675.619.000
	500.000.000	100%	5.000.000.000

(\*) Đây là các cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ chấp thuận cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX được chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu trước thời hạn. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần theo đúng các quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX đã chuyển nhượng 35.000.000 cổ phiếu cho các bên khác.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**35. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2017 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá) (2017: 250.000 triệu VND).

**36. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**37. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất</b>		
▪ Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	235.664.195.144	235.664.195.144
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
<b>Nguồn khác</b>	7.584.947.009	7.584.947.009
	<hr/> 550.677.792.232	<hr/> 550.677.792.232

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	27.033.721.343	32.834.581.588
Trong vòng hai đến năm năm	128.258.629.060	78.705.982.640
Sau năm năm	97.059.355.264	81.020.199.791
	<hr/>	<hr/>
	252.351.705.667	192.560.764.019
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	6.364.295	145.613.903.206	4.363.002	98.786.400.235
EUR	2.424	64.403.268	2.206	59.430.844
		<hr/>		<hr/>
		145.678.306.474		98.845.831.079
		<hr/>		<hr/>

**(c) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác			15.049.228.340	14.234.657.116
			<hr/>	<hr/>
			25.463.399.783	24.648.828.559
			<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	580.792.292.584	697.661.809.901
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	134.501.698.135	109.170.049.757
	715.293.990.719	806.831.859.658

**39. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	9.186.809.444.387	7.985.257.683.527
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	214.216.465.617	190.380.827.798
▪ Hợp đồng xây dựng	1.036.177.654	-
▪ Bán và cho thuê bất động sản	4.168.546.817	115.976.818.221
	9.406.230.634.475	8.291.615.329.546
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(8.917.867.920)	(8.996.235.912)
▪ Giảm giá hàng bán	(300.562.195)	(1.197.077.108)
▪ Hàng bán bị trả lại	(4.765.265.331)	(1.042.356.469)
	(13.983.695.446)	(11.235.669.489)
Doanh thu thuần	9.392.246.939.029	8.280.379.660.057



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**40. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	8.351.056.202.936	7.243.764.821.493
▪ Dịch vụ đã cung cấp	113.296.237.997	142.744.944.621
▪ Hợp đồng xây dựng	994.728.256	-
▪ Bán và cho thuê bất động sản	3.943.075.641	47.631.921.776
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.887.230.289	982.202.014
	<b>8.471.177.475.119</b>	<b>7.435.123.889.904</b>

**41. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	64.570.552.423	57.639.950.050
Lãi từ thanh lý chứng khoán kinh doanh	12.053.186.500	-
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	50.551.195.070	-
Lãi thuần do thoái vốn đầu tư vào công ty con	1.306.596.323	-
Cổ tức được chia	17.244.896.339	14.672.589.016
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.979.124.984	30.057.911.292
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.594.123.006	2.743.084.984
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.626.649.536	2.130.062.123
	<b>164.926.324.181</b>	<b>107.243.597.465</b>

**42. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Chi phí lãi vay	204.965.834.959	178.699.657.976
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.326.323.172	18.664.526.978
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	42.147.947.944	4.402.068.534
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	6.400.558.787	5.027.878.430
Chi phí tài chính khác	5.362.005.914	972.018.046
	<b>275.202.670.776</b>	<b>207.766.149.964</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**43. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	31.324.927.813	26.496.193.981
Chi phí công cụ và dụng cụ	2.851.332.516	4.488.575.208
Chi phí khấu hao và phân bổ	734.009.941	1.134.333.192
Chi phí vận chuyển	58.135.830.763	56.574.990.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.705.729.070	113.286.671.806
Chi phí bao bì	14.271.662.821	16.711.016.276
Chi phí hoa hồng	11.800.642.751	8.759.985.821
Chi phí xuất nhập khẩu	6.097.834.129	1.255.711.642
Chi phí bán hàng khác	18.198.240.375	19.984.885.980
	<b>245.120.210.179</b>	<b>248.692.364.192</b>

**44. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên văn phòng	186.227.966.337	188.416.404.591
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	9.395.186.375	9.729.026.449
Chi phí khấu hao và phân bổ	20.665.614.124	23.080.350.506
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	2.730.408.699	48.086.156.202
Thuế, phí và lệ phí	14.934.700.637	19.930.048.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.465.923.497	64.424.708.955
Tiền thuê đất	11.755.355.624	12.139.512.784
Công tác phí	5.805.597.596	4.588.868.723
Chi phí tiếp khách	8.982.626.561	10.054.501.900
Chi phí đào tạo	2.803.805.882	3.253.548.806
Trợ cấp mất việc	1.506.513.300	2.231.836.800
Chi phí khác	58.423.693.521	41.688.535.476
	<b>413.697.392.153</b>	<b>427.623.499.349</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**45. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	10.574.297.295	7.464.226.235
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	11.939.918.636	1.793.824.048
Bán phế liệu	-	451.364.975
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	881.673.567	3.755.256.686
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	2.041.438.636	1.959.490.760
Thu từ các khoản khác	8.246.316.354	15.482.681.695
	<b>33.683.644.488</b>	<b>30.906.844.399</b>

**46. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lỗ do thanh lý, xóa sổ tài sản cố định	9.577.030.955	9.431.584.620
Phạt vi phạm thuế	356.159.004	1.260.961.366
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	2.574.773.018	3.149.112.139
Tiền thuê đất nộp bổ sung	-	15.870.075.901
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	777.478.049	3.292.333.434
Chi các khoản khác	6.859.896.043	7.045.898.405
	<b>20.145.337.069</b>	<b>40.049.965.865</b>

**47. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	4.796.157.334.429	4.295.299.994.067
Chi phí nhân viên	1.679.824.954.971	1.443.118.068.278
Chi phí khấu hao	466.172.341.888	351.974.664.831
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.290.906.271.145	1.235.626.311.442
Chi phí khác	316.844.990.387	259.563.303.266

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**48. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	40.492.739.939	28.000.355.368
Dự phòng thiếu trong những năm trước	656.800.083	-
	<u>41.149.540.022</u>	<u>28.000.355.368</u>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	5.436.943.411	13.798.282.117
	<u>46.586.483.433</u>	<u>41.798.637.485</u>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	504.285.868.029	345.236.309.344
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	100.857.173.606	69.047.261.869
Ưu đãi thuế	(1.915.085.167)	(1.004.218.892)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(5.556.975.351)	(3.534.154.554)
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.863.899.651	15.861.089.916
Thu nhập không bị tính thuế	(71.203.388.393)	(60.126.933.143)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(704.474.708)	(256.906.118)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	16.588.533.712	21.812.498.407
Dự phòng thiếu trong những năm trước	656.800.083	-
	<u>46.586.483.433</u>	<u>41.798.637.485</u>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành áp dụng cho từng công ty.

**49. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 500.000.000 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	278.950.543.540	160.674.759.600
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	500.000.000	500.000.000
	558	321

(\*) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Tập đoàn không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Tập đoàn trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, và theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu, sẽ giảm đi.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng, chi tiết như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	278.950.543.540	160.674.759.600
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tàng trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (Thuyết minh 37)	55.067.779	55.334.715
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	555.067.779	555.334.715
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần	503	289

**50. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>30/6/2018</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	11.928.793.813	48.069.887.795
Bán hàng hóa	154.078.961.000	150.615.027.288
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	467.083.304	1.646.737.689
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	22.380.041
<b>Công ty Cổ phần May Bình Minh</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	8.681.519.349

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND</b>	<b>30/6/2017 VND</b>
<b><i>Tổng Công ty May 10 - CTCP</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	136.363.636
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.864.383.721	3.949.261.825
<b><i>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	273.000.000	695.325.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.017.307.299	6.922.247.600
<b><i>Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.521.621.889	12.816.470.001
Mua hàng hóa và dịch vụ	72.189.823.636	31.591.490.275
<b><i>Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.660.567.581	4.026.044.036
<b><i>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài 2</i></b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	783.312.525	-
<b><i>Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú</i></b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	7.817.777.620	18.999.735.905
Mua hàng hóa	505.829.355	429.815.272
<b><i>Tổng Công ty Đức Giang - CTCP</i></b>		
Mua hàng hóa	580.730.588	7.937.724.797
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	9.800.000
<b><i>Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế</i></b>		
Mua hàng hóa	13.331.293.950	7.396.471.152
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	28.856.706.232
<b><i>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</i></b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	373.836.090	159.558.740
Mua hàng hóa và dịch vụ	25.860.596.489	37.364.953.606
<b><i>Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoo - Thủ Đức</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	-	248.981.280
Lãi vay	121.923.612	121.923.612
<b><i>Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng</i></b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	50.823.885.571	5.072.806.508
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát</b>		
Thù lao đã trả	2.896.844.547	3.014.738.418

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**51. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

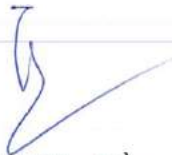
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Lãi vay nhập gốc	2.375.511.831	15.750.312.180
Bù trừ khoản phải thu cổ tức và phải trả khác của Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	4.526.480.000	-

**52. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017; số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

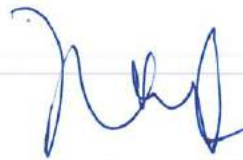
Ngày 29 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc



**Phụ lục 1**

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018
1	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	100%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
2	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	100%	100%	164.474.782.024	164.474.782.024	-	-
3	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	80,74%	80,74%	29.337.000.000	29.337.000.000	17.762.279.263	17.762.279.263
4	Công ty CP Sợi Phú Bài	66,51%	66,51%	26.922.700.000	26.922.700.000	11.081.560.000	11.081.560.000
5	Công ty CP Phát Triển Hạ tầng Dệt May Phố Nội	51,00%	51,00%	40.800.000.000	40.800.000.000	-	-
6	Tổng Công ty CP Dệt May Hoà Thọ	64,96%	64,96%	146.156.210.000	146.156.210.000	-	-
7	Công ty CP Len Việt Nam	68,77%	68,77%	27.531.200.000	27.531.200.000	1.300.000.000	1.300.000.000
8	Công ty CP Sản xuất XNK Dệt May	68,34%	68,34%	29.250.000.000	29.250.000.000	-	-
9	Công ty CP Dệt May Huế	63,90%	63,90%	63.898.240.000	63.898.240.000	-	-
10	Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	72.997.000.000	72.997.000.000	-	-
11	Công ty CP Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	27.500.000.000	27.500.000.000	-	-
12	Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex	51,00%	51,00%	37.275.000.000	37.275.000.000	-	-
13	Tổng Công ty CP Phong Phú	50,10%	50,10%	374.087.960.000	374.087.960.000	-	-
14	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	100%	100%	463.048.028.402	462.017.209.402	-	-
15	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	100%	100%	193.274.909.291	202.568.027.281	-	-
16	Công ty CP Vinatex Phú Hưng (i)	52%	-	13.000.000.000	-	-	-

(i) Đây là công ty con mới được thành lập trong kỳ.

**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018
<b>Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ</b>									
1	Công ty CP Thời trang Hòa Thọ	49,94%	49,94%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
2	Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam	20,88%	20,88%	32,14%	32,14%	6.428.000.000	6.428.000.000	-	-
3	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	35,19%	35,19%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
4	Công ty CP May Hòa Thọ - Duy Xuyên	53,09%	53,09%	81,73%	81,73%	8.173.000.000	8.173.000.000	-	-
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	64,96%	64,96%	100%	100%	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
6	Công ty CP Hòa Thọ Thăng Bình	33,13%	33,13%	51,00%	51,00%	26.520.000.000	26.520.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
<b>Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định</b>									
7	Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.836.200.000	2.836.200.000	-	-
8	Công ty CP Chấn Len Nam Định	47,11%	47,11%	87,78%	87,78%	10.513.260.000	10.513.260.000	-	-
9	Công ty CP May IV Dệt Nam Định	28,69%	28,69%	53,46%	53,46%	4.009.500.000	4.009.500.000	-	-
10	Công ty CP Dệt Khăn Dệt May Nam Định	46,34%	46,34%	86,34%	86,34%	4.317.000.000	4.317.000.000	-	-
11	Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	48,78%	48,78%	90,88%	90,88%	27.264.000.000	27.264.000.000	-	-
12	Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	47,77%	47,77%	89,00%	89,00%	4.450.000.000	4.450.000.000	-	-
13	Công ty CP May V Dệt May Nam Định	42,22%	42,22%	78,65%	78,65%	4.326.000.000	4.326.000.000	-	-

**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018
<b>Công ty con của Công ty CP Bông Việt Nam</b>									
14	Công ty CP Bông Tây Nguyên	29,80%	29,80%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
15	Công ty CP Bông Vải Miền Trung	42,91%	42,91%	49,81%	49,81%	4.550.000.000	4.550.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000
16	Công ty CP Giồng cây trồng Nha Hồ	29,70%	29,70%	54,00%	54,00%	10.800.780.000	10.800.780.000	-	-
<b>Công ty con của Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex</b>									
17	Công ty CP May Nam An	32,81%	32,81%	64,33%	64,33%	15.440.000.000	15.440.000.000	-	-
18	Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	38,25%	38,25%	75,00%	75,00%	22.500.000.000	22.500.000.000	-	-
	Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà (i)	-	51,00%	25%	100%	7.500.000.000	30.000.000.000	-	-
19	Công ty TNHH May Vinatex Bông Sơn	51,00%	51,00%	100%	100%	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty CP Phong Phú</b>									
20	Công ty CP Dệt Đông Nam	30,55%	30,55%	60,99%	60,99%	36.817.040.000	36.817.040.000	-	-
21	Công ty CP Dệt May Nha Trang	26,04%	26,04%	51,97%	51,97%	96.143.750.000	96.143.750.000	-	-
22	Công ty CP Đầu tư Khánh Phú	17,85%	17,85%	35,63%	35,63%	4.362.000.000	4.362.000.000	-	-
23	Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	35,57%	35,57%	71%	71%	63.900.000.000	63.900.000.000	-	-
<b>Công ty con của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex</b>									
24	Công ty TNHH MTV Dệt 8-3	100%	100%	100%	100%	173.199.296.963	173.199.296.963	-	-
25	Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%	118.026.000.000	118.026.000.000	-	-
26	Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh	68,86%	68,86%	68,86%	68,86%	37.200.000.000	37.200.000.000	-	-

(i) Đây là công ty con được chuyển thành các công ty liên kết trong kỳ.

**Phụ lục 3**

Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018
<b>Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội</b>									
1	Cty CP Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
2	Công ty CP Dệt May Hoàng Thị Loan	43,70%	43,70%	75,90%	75,90%	25.503.100.000	25.503.100.000	-	-
3	Công ty CP Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.000.000	5.107.000.000	-	-
4	Công ty CP May Halotexco	44,62%	44,62%	53,64%	53,64%	1.877.500.000	1.877.500.000	1.100.000.000	1.100.000.000
5	Công ty CP May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,00%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
6	Công ty TNHH MTV Hà Nam - Hanosimex	57,57%	57,57%	100%	100%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
7	Công ty CP Dệt Hà Đông Hanosimex	30,65%	30,65%	53,23%	53,23%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	-
8	Công ty CP Dệt kim Vinatex	77,27%	77,27%	60,51%	60,51%	22.992.000.000	22.992.000.000	15.008.000.000	15.008.000.000

**Phụ lục 4**

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018
<b>Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty May Đức Giang – CTCP	35,20%	35,20%	25.277.683.200	25.277.683.200
3	Công ty CP May Hưng Yên	35,01%	35,01%	47.434.460.000	47.434.460.000
4	Công ty CP May Bình Minh	25,00%	25,00%	13.230.000.000	9.450.000.000
5	Công ty CP May Hữu Nghị	29,24%	29,24%	34.766.360.000	34.766.360.000
6	Công ty CP May Đồng Nai	25,70%	25,70%	28.049.772.960	28.049.772.960
7	Công ty CP Vinatex OJ	35,00%	35,00%	10.143.000.000	10.143.000.000
8	Công ty CP May Chiến Thắng	21,99%	21,99%	6.120.000.000	6.120.000.000
9	Công ty CP Vinatex Đà Nẵng	30,00%	30,00%	9.000.000.000	9.000.000.000
10	Công ty CP May Đáp Cầu	24,04%	24,04%	12.621.000.000	12.621.000.000
11	Công ty CP May Nam Định	30,00%	30,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
12	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44,00%	44,00%	3.564.000.000	3.564.000.000
13	Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
14	Tổng Công ty CP May Việt Tiến	30,40%	30,40%	134.059.200.000	134.059.200.000
15	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
16	Tổng Công ty May 10 – CTCP	33,80%	33,80%	63.921.240.000	63.921.240.000
17	Công ty CP Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	85.346.535.875	85.346.535.875
18	Công ty CP Dệt May Liên Phương	30,77%	30,77%	95.877.720.000	95.877.720.000
19	Công ty CP Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	29.700.000.000	29.700.000.000
<b>Công ty liên kết của Công ty 8-3</b>					
20	Công ty CP Vinatex Quốc tế	49,00%	49,00%	49.000.000.000	49.000.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công Ty CP Dệt may Nam Định</b>					
21	Công ty CP May 1 Dệt Nam Định	22,45%	22,45%	2.007.500.000	2.007.500.000
22	Công ty CP Đô thị Dệt May Nam Định	45,78%	45,78%	31.100.000.000	31.100.000.000

**Phụ lục 4**

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2018	1/1/2018	30/6/2018	1/1/2018
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội</b>					
23	Công ty CP May Đông Mỹ Hanosimex	16,68%	16,68%	1.159.000.000	1.159.000.000
<b>Công ty liên kết của Công ty CP Sợi Phú Bài</b>					
24	Công ty CP Sợi Phú Bài 2	31,89%	31,89%	24.000.000.000	24.000.000.000
<b>Công ty liên kết của Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam</b>					
25	Công ty CP May Hòa Thọ - Phú Ninh	17,69%	17,69%	8.500.000.000	8.500.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Phong Phú</b>					
26	Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	106.691.335.644	106.691.335.644
27	Công ty CP đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10,77%	10,77%	10.000.000.000	10.000.000.000
28	Công ty CP May Đà Lạt	20,04%	20,04%	4.231.000.000	4.231.000.000
29	Công ty CP Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	144.596.306.997	144.596.306.997
30	Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	19,74%	19,74%	8.011.203.600	8.011.203.600
31	Công ty CP Đầu tư Phong Vân	23,97%	23,97%	18.994.120.000	18.994.120.000
32	Công ty TNHH Linen Supply Services	10,02%	10,02%	6.366.000.000	6.366.000.000
<b>Công ty liên kết của Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex</b>					
33	Công ty CP May Vinatex Hương Trà (i)	12,24%	-	7.500.000.000	-

(i) Đây là công ty con được chuyển thành công ty liên kết trong kỳ.